

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thân Thị Lua

2. Ông Lương Ngọc Biên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng: Ông Vũ Hồng Sơn -

Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chi Ninh Thi Q, sinh năm 1990. (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

*** Bi đơn:** Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1986. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chỉ Ninh Thị Q trình bày:*

Chị và anh Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, năm 2014, chị đi làm ăn tại Trung Quốc, có quen biết anh Đ, chị và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2015, đến tháng 9 năm 2015 chị sinh con, hai vợ chồng về Việt Nam sinh con, khi con chị được hai tuổi, chị và anh Đ lại sang Trung Quốc làm ăn đến năm 2017 về nước và ngày 12/01/2018 vợ chồng đi đăng ký kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Dũng. Cuộc sống vợ chồng

chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có việc làm ổn định, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do kinh tế khó khăn nên thường hay cãi nhau, anh Đ có đánh chị. Ngoài ra, còn do anh Đ nghi ngờ chị có tình cảm với người đàn ông khác nên đánh chị và đập phá điện thoại của chị, vợ chồng càng mâu thuẫn. Đến tháng 4/2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị tự bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Đ, huyện Lục Ngạn sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, quan hệ tình cảm, kinh tế chấm dứt không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Từ khi chị bỏ đi, anh Đ có nhắn tin khuyên chị về đoàn tụ nhưng chị đã suy nghĩ, không thể tiếp tục chung sống cùng anh Đ nữa, mâu thuẫn vợ chồng, gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015 và Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020. Hiện nay cả 02 con đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng một con chung, anh Đ nuôi dưỡng con chung tên Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015, chị nuôi dưỡng con chung tên Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị vẫn ở nhà trông con, không đi làm gì vì con chị mới được 09 tháng tuổi, trước khi sinh con chị vẫn đi làm công ty, thu nhập khoảng 9.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, Tòa án giải quyết ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Quảng trình bày: Chị xác định tình cảm không còn, chị thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về con chung chị nhận nuôi cháu Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

*** Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng anh Vũ Văn Đ trình bày:** Anh và chị Q lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, gia đình anh có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu kết hôn tháng 5 năm 2015, đến tháng 9 năm 2015 chị Quảng sinh con, hai vợ chồng sang Trung Quốc làm ăn đến năm 2017 về nước và ngày 12/01/2018 vợ chồng đi đăng ký kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Dũng. Kết hôn xong vợ chồng về chung sống cùng nhau, do bố mẹ anh đều đã chết. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thỉnh thoảng cãi nhau, anh có dọa đánh vợ hai lần. Ngoài ra, còn do anh nghi ngờ chị Q có tình cảm với người đàn ông khác nên không muốn sống cùng anh và do kinh tế khó khăn nên vợ chồng càng mâu thuẫn. Đến tháng 4/2021, vợ chồng mâu thuẫn chị Q bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Đ, huyện Lục Ngạn sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, quan hệ tình cảm, kinh tế chấm dứt. Từ khi chị Q bỏ đi, anh có gọi điện động viên chị Q về đoàn tụ nhưng chị Q không nghe. Vợ chồng anh mâu thuẫn, gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn yêu vợ thương con, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp hòa giải không thành, Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015 và Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020. Hiện nay cả 02 con đang ở cùng chị Q. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng một con chung, anh nuôi dưỡng con chung tên Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015, chị Q nuôi dưỡng con chung tên Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang làm kinh doanh về ăn uống, thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đồng/ tháng. Tòa án yêu cầu anh cung cấp tài liệu chứng minh về thu nhập anh không cung cấp được do anh làm kinh doanh tự do.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, Tòa án giải quyết ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại biên bản xác minh ngày 28/6/2021, ông Đỗ Minh H, trưởng thôn Đ, xã C, huyện Yên Dũng cung cấp như sau: Chị Q và anh Đ có hộ khẩu thường trú tại địa phương, khoảng tháng 4 năm 2021, địa phương không thấy chị Q sinh sống cùng với anh Đ, chị Q, anh Đ mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ, nay chị Q có đơn ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại bản xác minh ngày 28/6/2021, bà Vũ Thị Ng, Vũ Thị Đ là chị gái của anh Đ cung cấp như sau: Năm 2018, gia đình có tổ chức cưới xin cho anh Đ và chị Q, sau khi kết hôn, chị em các bà có làm nhà cho anh Đ, chị Q ở. Khoảng năm 2020, anh Đ, chị Q có mở hàng bán thịt chó nhưng việc làm ăn không thuận lợi, từ đó hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, gia đình có hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Từ tháng 4 năm 2021, chị Q về nhà bố mẹ đẻ chị Q sinh sống, anh Đ, chị Q ly thân từ đó đến nay. Gia đình thấy quan hệ tình

cảm giữa chị Q và anh Đ khó có thể hàn gắn được, nay chị Q làm đơn xin ly hôn anh Đ gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung, chị Q, anh Đ có hai con chung đề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi người nuôi một con chung.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị Q, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Cho chị Ninh Thị Q được ly hôn anh Vũ Văn Đ; Về nuôi con chung: Giao cho chị Ninh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020. Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015; Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Chị Ninh Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Ninh Thị Q và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Dũng và được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị Q và anh Đ là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn dẫn đến vợ không tin tưởng nhau, anh Đ nghi ngờ chị Q có quan hệ ngoại tình, anh Đ có đánh chị Q và đập phá điện thoại của chị Q. Tháng 4 năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ chị Q sinh sống,

vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Đ. Còn anh Đ thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, anh Đ xác định vẫn còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Q và anh Đ ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, kinh tế riêng, mâu thuẫn vợ chồng hai gia đình có hòa giải nhưng không thành. Tòa án cũng hòa giải nhiều lần nhưng chị Q vẫn cương quyết ly hôn, còn anh Đ không đồng ý ly hôn. Tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Q và anh Đ có 02 con chung là Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015 và Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020. Hiện hai cháu đang do chị Quảng nuôi dưỡng, khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020, còn anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015. Xét thấy hiện chị Q không có việc làm ổn định, cháu M chưa đủ ba tuổi, anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu V, anh Đ cũng có việc làm, có thu nhập. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu và các cháu có điều kiện phát triển tốt. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Vì lợi ích của con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Q và anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Ninh Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị Q được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Vũ Triệu M, sinh ngày 02/7/2020 cho chị Ninh Thị Q nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung là cháu Vũ Thị Triệu V, sinh ngày 11/9/2015 cho anh Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.5. Về án phí: Chị Ninh Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0000144 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì

thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã C;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo